

Bản án số: 130/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1171/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ: Quang Trung, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1987, địa chỉ: Quang Trung, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông T và bà Đinh Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã Khánh P, huyện Yên K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn với nhau, thời gian đầu vợ chồng khá hạnh phúc. Nhưng nhiều năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Do thương con và để giữ gìn hạnh phúc gia đình nên ông đã nhẫn nhịn trong thời gian dài. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đặc biệt là khi gần đây ông biết được đứa con thứ 3 không phải là con ruột của ông. Do nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng ông không thể tiếp tục kéo dài, không thể hàn gắn lại nên ông và bà H đã ký và nộp đơn thuận tình ly hôn. Nhưng khi ra Tòa án bà H lại đổi ý không chịu

ly hôn, nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết. Nay ông làm đơn yêu cầu Tòa án G, Thành Phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T xác định có hai con chung là Đinh Thị Ngọc L sinh ngày 24/02/2011 và Đinh Nhật M sinh ngày 17/04/2012. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/01/2018, ông cho rằng không phải là con chung giữa ông với bà H, nên ông yêu cầu Tòa án xác định không phải là con ruột của ông.

Về tài sản chung ông không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Về thời gian sống chung, kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà H không có ý kiến gì. Bà H chỉ đồng ý ly hôn với ông T với điều kiện ông T phải sang tên căn nhà đang ở tại địa chỉ Quang Trung, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho hai con là Đinh Thị Ngọc L và Đinh Nhật Minh. Nếu ông T không đáp ứng điều kiện này thì bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung, bà H cho rằng có ba con chung là Đinh Thị Ngọc L sinh ngày 24/02/2011, Đinh Nhật M sinh ngày 17/04/2012 và Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/01/2018. Ông T cho rằng trẻ D không phải là con chung thì đó là ý kiến của ông T. Nay bà H đồng ý giao hai con chung là trẻ L và trẻ M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bà trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Diệp và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Đơn khởi kiện của ông Đinh Văn T đối với bị đơn bà Đinh Thị H là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” và “Xác định cha cho con”. Bị đơn bà H cư trú tại quận G, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cấp cho ông T, bà H ngày 24/03/2010 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông T yêu cầu được ly hôn với bà H với lý do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, không thể hàn gắn lại.

Bà H không có ý kiến gì về thời gian sống chung, kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà H cho rằng không nên sống chung nữa, tuy nhiên, bà H chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải đồng ý sang tên căn nhà tại địa chỉ Quang T, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho hai con là Đinh Thị Ngọc L và Đinh Nhật M.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Nhưng nay ông T nộp đơn xin ly hôn với bà H, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên các bên trở về đoàn tụ gia đình, nhưng ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay bà H cũng cho rằng không nên sống chung với nhau nữa. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc bà H không đồng ý ly hôn với ông T vì ông T không đáp ứng điều kiện sang tên căn nhà tại địa chỉ Quang T, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho hai con là Đinh Thị Ngọc L và Đinh Nhật M, Hội đồng xét xử xét thấy lý do này không xuất phát từ mục đích muốn đoàn tụ gia đình. Bản T bà H cũng cho rằng không nên sống chung nữa. Điều này cho thấy bà H cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Do đó, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của ông T với bà H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Về con chung: Ông T trình bày chỉ có hai con chung là trẻ Đinh Thị Ngọc L và trẻ Đinh Nhật M. Đối với trẻ Đinh Nguyễn Ngọc D, ông T cho rằng không phải con chung giữa ông và bà H. Đồng thời yêu cầu Tòa án xác định trẻ D không phải là con ruột của ông. Phía bà H thì cho rằng cả 03 trẻ đều là con chung giữa bà và ông T.

Xét, theo kết quả xét nghiệm ADN của Chi nhánh Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền tại Tp. Hồ Chí Minh giữa ông Đinh Văn T và trẻ Đinh Nguyễn Ngọc D thể hiện: “*Đinh Văn T không có quan hệ huyết thống cha-con với Đinh Nguyễn Ngọc D*”. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ kết luận này đã xác định trẻ Đinh Nguyễn Ngọc D không phải là con ruột của ông T. Do đó, xét lời trình bày của ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Đinh Thị Ngọc L và trẻ Đinh Nhật M, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H cũng đồng ý với yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T. Ông T không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H, đến khi nào ông T có đơn yêu cầu. Vì quyền lợi

con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung các bên không yêu cầu giải quyết, nợ chung các bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Về án phí ly hôn: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Do chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của ông T, nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đinh Văn T đối với bị đơn bà Đinh Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn T được ly hôn với bà Đinh Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 17, do Ủy ban nhân dân xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cấp cho ông T, bà H ngày 24/03/2010 không còn giá trị).

- Về con chung: Xác định ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị H có 02 con chung là trẻ Đinh Thị Ngọc L sinh ngày 24/02/2011 và Đinh Nhật M sinh ngày 17/04/2012. Giao 02 trẻ Ngọc L và Nhật M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H, đến khi nào ông T có đơn yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ, người T thích; cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung các bên không yêu cầu giải quyết, nợ chung các bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn T, xác định trẻ Đinh Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/01/2018 không phải là con ruột của ông Đinh Văn T.

3. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng ông T chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0014526 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông T đã nộp đủ án phí.

Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí xác định cha cho con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- UBND xã Khánh P,
h Yên Khánh, t. Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tô Văn Mạnh